BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU AN BÌNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021
(đã được soát xét)

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNH
DN: C=VN, S=HÀ NỘI, L=Đống Đa, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNH, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0102130960
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2021-08-12 13:58:50
Foxit Reader Version: 9.3.0

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	02-03
Báo cáo của Ngân hàng giám sát	04
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	05-06
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	07-30
Báo cáo thu nhập giữa niên độ	07
Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ	08-09
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ	10
Báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ	11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	12
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	13-30

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ trình bày Báo cáo này và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ Đầu tư Trái phiếu An Bình (sau đây gọi tắt là "Quỹ") cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021.

QUỸ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu An Bình thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 151/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 27 tháng 07 năm 2020 và Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đại chúng số 47/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 03 tháng 11 năm 2020. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ tại: Tầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán An Bình (tên viết tắt: ABF) thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán số 12/UBCK-GPHĐQLQ ngày 28/12/2006, Giấy phép điều chỉnh số 01/GPĐC-UBCK ngày 22/02/2016 do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp. ABF thực hiện các ngành nghề kinh doanh như: lập và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư, tư vấn đầu tư chứng khoán, được các thành viên góp vốn ủy thác quản lý Quỹ.

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-073 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12/09/2003 thay đổi lần thứ 10 ngày 20/05/2015 và Giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán số 510/QĐ-ĐKHĐLK ngày 01/08/2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Quyền và nghĩa vụ của ngân hàng giám sát được quy định tại Điều lệ Quỹ và pháp luật liên quan.

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Các thành viên của Ban đại diện trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trương Ngọc Lân	Chủ tịch - thành viên độc lập
Bà Vũ Thị Chinh	Thành viên độc lập
Bà Nguyễn Thị Nga	Thành viên độc lập
Ông Lê Việt Hà	Thành viên
Ông Lại Tất Hà	Thành viên độc lập
Bà Trịnh Hương Lan	Thành viên

Thành viên của Ban điều hành Quỹ trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Võ Anh Tú	Phó Tổng Giám đốc Công ty Quản lý quỹ
Ông Nguyễn Thành Nam	Phó Tổng Giám đốc Công ty Quản lý quỹ

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Quỹ.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán An Bình với tư cách là Công ty Quản lý quỹ của Quỹ chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động của Quỹ trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty quản lý Quỹ cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với Quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Quỹ và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2021, cũng như kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với Quỹ mở và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG BỐ CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Theo ý kiến của Ban Đại diện quỹ, Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Quỹ Đầu tư Trái phiếu An Bình tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2021, kết quả hoạt động cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với Quỹ mở và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý quỹ cam kết rằng Quỹ tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 31 tháng 12 năm 2020 hướng dẫn về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Công ty Quản lý Quỹ

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Lê Việt Hà
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2021

BIDV

BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát Quỹ Đầu tư Trái phiếu An Bình (sau đây gọi là "Quỹ") cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021. Với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021, Quỹ Đầu tư Trái phiếu An Bình đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

a) Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán An Bình đã tuân thủ quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan. Theo ghi nhận của Ngân hàng giám sát, từ thời điểm 03/05/2021, là thời điểm kết thúc 06 tháng kể từ ngày Quỹ Đầu tư Trái phiếu An Bình được cấp phép thành lập (ngày 03/11/2020), tại một số kỳ định giá cơ cấu đầu tư của Quỹ chưa đảm bảo các hạn mức đầu tư quy định tại điều lệ quỹ và Thông tư 98/2020/TT-BTC. Căn cứ theo Khoản 6 Điều 35, Khoản 6 Điều 24 Thông tư 98/2020/TT-BTC, "*Trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày có các sai lệch phát sinh do các nguyên nhân quy định tại điểm a, b, c và d khoản 5 Điều này, công ty quản lý quỹ có nghĩa vụ thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư cho phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều này*". Cụ thể chi tiết như sau:

- Tại kỳ định giá xác định giá trị tài sản ròng từ ngày 04/05/2021 đến ngày 22/06/2021, tỷ lệ đầu tư vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành Tập đoàn Vingroup – Công ty CP (VIC) trên tổng tài sản vượt quá hạn mức 20% quy định tại điểm c Khoản 4 Điều 35 Thông tư 98/2020. Tại ngày 29/6/2021, tỷ lệ đầu tư trên của Quỹ đã đảm bảo theo quy định;
- Tại kỳ định giá xác định giá trị tài sản ròng từ ngày 04/05/2021 đến ngày 01/06/2021, tỷ lệ đầu tư vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành Công ty Cổ phần tập đoàn Masan (MSN) trên tổng tài sản vượt quá hạn mức 20% quy định tại điểm c Khoản 4 Điều 35 Thông tư 98/2020. Tại ngày 8/6/2021, tỷ lệ đầu tư trên của Quỹ đã đảm bảo theo quy định;
- Tại kỳ định giá xác định giá trị tài sản ròng từ ngày 04/05/2021 đến ngày 15/06/2021, tỷ lệ đầu tư vào chứng khoán phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau (nhóm Masan) trên tổng tài sản vượt quá hạn mức 30% quy định tại điểm d Khoản 4 Điều 35 Thông tư 98/2020. Tại ngày 22/6/2021, tỷ lệ đầu tư trên của Quỹ đã đảm bảo theo quy định;
- Tại kỳ định giá xác định giá trị tài sản ròng từ ngày 04/05/2021 đến ngày 30/06/2021, tỷ lệ đầu tư vào trái phiếu chưa niêm yết trên tổng tài sản vượt quá hạn mức 10% quy định tại điểm đ Khoản 4 Điều 35 Thông tư 98/2020.

b) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

c) Phát hành và mua lại Chứng chỉ quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

d) Trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021, Quỹ không phát sinh hoạt động phân phối lợi nhuận cho Nhà đầu tư.

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2021

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM CHI NHÁNH HÀ THÀNH

PHÓ GIÁM ĐỐC

Ngô Thị Thu Cúc

NHÂN VIÊN GIÁM SÁT

Vũ Minh Hồng

Số: 120821.014/BCTC.KT2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Quý Nhà đầu tư và Ban đại diện**
Quỹ Đầu tư Trái phiếu An Bình

Báo cáo soát xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Quỹ Đầu tư Trái phiếu An Bình được lập ngày 12 tháng 08 năm 2021, từ trang 07 đến trang 30, bao gồm: Báo cáo thu nhập giữa niên độ, Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ, Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ, Báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021 và Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý quỹ

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán An Bình là Công ty Quản lý quỹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với Quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của quỹ mở và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính và danh mục đầu tư giữa niên độ của Quỹ Đầu tư Trái phiếu An Bình tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, kết quả thu nhập giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo về các yêu cầu khác của pháp luật và các quy định

Tính đến thời điểm 03/05/2021, là thời điểm kết thúc 06 tháng kể từ ngày Quỹ Đầu tư Trái phiếu An Bình được cấp phép thành lập (ngày 03/11/2020), tại một số kỳ định giá cơ cấu đầu tư của Quỹ chưa đảm bảo các hạn mức đầu tư quy định tại điều lệ quỹ và Thông tư 98/2020/TT-BTC. Căn cứ theo Khoản 6 Điều 35, Khoản 6 Điều 24 Thông tư 98/2020/TT-BTC, "Trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày có các sai lệch phát sinh do các nguyên nhân quy định tại điểm a, b, c và d khoản 5 Điều này, công ty quản lý quỹ có nghĩa vụ thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư cho phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều này". Đến thời điểm 30/6/2021, một số tỷ lệ đầu tư đã được khắc phục đảm bảo theo quy đinh, chi tiết theo Báo cáo của ngân hàng giám sát.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HÃNG KIỂM TOÁN AASC

Vũ Xuân Biển
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0743-2018-002-1
Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2021

BÁO CÁO THU NHẬP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Mã số		CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021
				VND
01	I.	**THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ**		**13.913.940.814**
03	1.2	Tiền lãi được nhận	3	13.825.531.051
04	1.3	Lãi, lỗ bán các khoản đầu tư		283.342
05	1.4	Chênh lệch tăng, giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện		88.126.421
10	II.	**CHI PHÍ ĐẦU TƯ**		**85.592.567**
11	2.1	Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư		85.592.567
20	III.	**CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ**	4	**2.831.823.834**
20.1	3.1	Phí quản lý quỹ mở		2.290.243.752
20.2	3.2	Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ mở		124.180.945
20.3	3.3	Phí dịch vụ giám sát		45.039.167
20.4	3.4	Phí dịch vụ quản trị quỹ mở		99.986.864
20.5	3.5	Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng		66.000.000
20.6	3.6	Thù lao Ban đại diện Quỹ		78.000.000
20.7	3.7	Chi phí họp, đại hội quỹ mở		4.798.932
20.8	3.8	Chi phí kiểm toán		71.228.767
20.10	3.9	Chi phí hoạt động khác		52.345.407
23	IV.	**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ**		**10.996.524.413**
24	V.	**KẾT QUẢ THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**		-
24.1	5.1	Thu nhập khác		-
24.2	5.2	Chi phí khác		-
30	VI.	**TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ**	15	**10.996.524.413**
31	6.1	Lợi nhuận đã thực hiện		10.908.397.992
32	6.2	Lợi nhuận chưa thực hiện		88.126.421
40	VII.	**CHI PHÍ THUẾ TNDN**		-
41	VIII.	**LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN**		**10.996.524.413**

S.G.P: 12 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNH
Q. ĐỐNG ĐA - TP. HÀ NỘI

Phùng Thị Minh Thu	**Lê Việt Hà**
Người lập/Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
	Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2021

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
100	**I. TÀI SẢN**			
110	1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	5	64.036.923.976	21.808.121.947
111	*1.1. Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ mở*		*64.036.923.976*	*21.808.121.947*
120	2. Các khoản đầu tư thuần	6	640.441.219.489	88.220.815.253
121	*2.1 Các khoản đầu tư*		*640.441.219.489*	*88.220.815.253*
121	*2.1.1 Trái phiếu*		*433.441.219.489*	*88.220.815.253*
121	*2.1.2 Đầu tư khác*		*207.000.000.000*	-
130	3. Các khoản phải thu	7	10.788.578.566	1.731.374.082
133	3.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư		10.788.578.566	1.731.374.082
136	*3.2.2 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận*		*10.788.578.566*	1.731.374.082
100	**TỔNG TÀI SẢN**		**715.266.722.031**	**111.760.311.282**

Mã số	NGUỒN VỐN			
300	**II. NỢ PHẢI TRẢ**			
313	1. Phải trả cho các Đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ và Công ty quản lý quỹ	8	132.318.362	45.554.680
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	9	32.040.319	18.102.851
316	3. Chi phí phải trả	10	50.687.675	25.133.333
317	4. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ	11	2.658.000.000	802.000.000
318	5. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ quỹ		8.584.521.464	-
319	6. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở	12	839.764.785	117.455.365
300	**TỔNG NỢ PHẢI TRẢ**		**12.297.332.605**	**1.008.246.229**
400	**III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NẮM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ**	**13**	**702.969.389.426**	**110.752.065.053**
411	1. Vốn góp của Nhà đầu tư		676.344.758.100	110.203.728.900
412	1.1 Vốn góp phát hành		816.132.729.700	119.273.500.100
413	1.2 Vốn góp mua lại		(139.787.971.600)	(9.069.771.200)
414	2. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư		15.150.205.998	70.435.238
420	3. Lợi nhuận chưa phân phối	15	11.474.425.328	477.900.915
430	**IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN 1 ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ**		**10.393,65**	**10.049,75**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
004	1. Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành		67.634.475,81	11.020.372,89

Phùng Thị Minh Thu
Người lập/Kế toán trưởng

Lê Việt Hà
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2021

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

STT	CHỈ TIÊU	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021
		VND
I.	**Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở (NAV) đầu kỳ**	**110.752.065.053**
II.	**Thay đổi NAV trong kỳ**	**10.996.524.413**
	Trong đó:	
II.1	Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ mở trong kỳ	10.996.524.413
III.	**Thay đổi NAV do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ (III=III.1-III.2)**	**581.220.799.960**
III.1	Khoản thu từ việc phát hành bổ sung Chứng chỉ quỹ	714.984.841.595
III.2	Khoản thanh toán từ việc mua lại Chứng chỉ quỹ	133.764.041.635
IV.	**Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở cuối kỳ (IV= I+II+III)**	**702.969.389.426**

Phùng Thị Minh Thu
Người lập/Kế toán trưởng

Lê Việt Hà
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2021

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

STT	Loại	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 30/06/2021 (VND)	Tổng giá trị (VND)	Tỷ lệ trên Tổng giá trị tài sản hiện tại của Quỹ (%)
I.	**Trái phiếu**				
I.1	**Trái phiếu niêm yết**			**223.158.933.190**	**31,20%**
	ANC11607	799.000	100.138,934	80.011.008.266	11,19%
	MSN12001	115.102	101.155,110	11.643.155.471	1,63%
	VHM11801	39.020	100.345,920	3.915.497.798	0,55%
	MSN12002	118.092	99.434,431	11.742.410.826	1,64%
	MSN12003	368.146	101.525,689	37.376.276.303	5,23%
	MSN12005	398.647	99.794,916	39.782.943.879	5,56%
	HDG121001	181.960	100.286,616	18.248.152.647	2,55%
	KBC12006	200.000	102.197,440	20.439.488.000	2,86%
I.2	**Trái phiếu chưa niêm yết**			**210.282.286.299**	**29,40%**
	SHNH2023001	20	988.304.240,792	19.766.084.816	2,76%
	MSNH2023053	83.203	100.582,551	8.368.769.991	1,17%
	SHNH2023001-2	10	988.114.710,649	9.881.147.106	1,38%
	SHNH2023001-3	20	987.570.673,423	19.751.413.468	2,76%
	VICB2023001	290.396	101.666,986	29.523.686.066	4,13%
	MSNH2023054	134.117	101.274,774	13.582.668.865	1,90%
	VICB2124002	583.611	103.659,901	60.497.058.483	8,46%
	VICB2124001	476.090	102.735,738	48.911.457.504	6,84%
	Tổng			**433.441.219.489**	**60,60%**
II.	**Các tài sản khác**				
	1. Dự thu lãi trái phiếu			9.122.875.828	1,28%
	2. Dự thu lãi chứng chỉ tiền gửi			291.506.849	0,04%
	3. Dự thu lãi tiền gửi			1.374.195.889	0,19%
	Tổng			**10.788.578.566**	**1,51%**
III.	**Tiền**				
1.	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ			35.861.423.976	5,01%
2.	Tiền gửi của nhà đầu tư cho hoạt động mua chứng chỉ quỹ			28.175.500.000	3,94%
3.	Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng			187.000.000.000	26,14%
4.	Chứng chỉ tiền gửi			20.000.000.000	2,80%
	Tổng			**271.036.923.976**	**37,89%**
IV.	**Tổng giá trị danh mục**			**715.266.722.031**	**100,00%**

Phùng Thị Minh Thu
Người lập/Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNH
S.G.P: 12 - C.T.C.P - Q. ĐỐNG ĐA - TP. HÀ NỘI

Lê Việt Hà
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021
			VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
01	***1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp***		***10.996.524.413***
02	***2. Điều chỉnh cho các khoản tăng giá trị tài sản ròng từ các hoạt động đầu tư***		***(88.126.421)***
03	- (- Lãi) hoặc (+ lỗ) đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện		(88.126.421)
05	***3. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động***		***10.908.397.992***
06	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản đầu tư		(552.132.277.815)
07	- (-) Tăng, (+) giảm dự thu phải thu tiền lãi các khoản đầu tư		(9.057.204.484)
11	- (+) Tăng, (-) giảm phải trả các Đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ		86.763.682
13	- (+) Tăng, (-) giảm Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		13.937.468
14	- (+) Tăng, (-) giảm phải trả cho Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ		1.856.000.000
15	- (+) Tăng, (-) giảm phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ quỹ		8.584.521.464
16	- (+) Tăng, (-) giảm phải trả, phải nộp khác		25.554.342
17	- (+) Tăng, (-) giảm Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở		722.309.420
19	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư***		***(538.991.997.931)***
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
31	1. Tiền thu từ phát hành Chứng chỉ quỹ		714.984.841.595
32	2. Tiền chi mua lại Chứng chỉ quỹ		133.764.041.635
30	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính***		***581.220.799.960***
40	**III. TĂNG GIẢM TIỀN THUẦN TRONG KỲ**		***42.228.802.029***
50	**IV. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ**		
51	Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:		21.808.121.947
52	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ mở		21.006.121.947
53	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ		802.000.000
55	**V. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ**	**5**	**64.036.923.976**
56	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:		64.036.923.976
57	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ mở		35.861.423.976
58	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ		28.175.500.000
60	**VI. CHÊNH LỆCH TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TRONG KỲ**		**42.228.802.029**

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Phùng Thị Minh Thu
Người lập/Kế toán trưởng

Lê Việt Hà
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1.1 . Thông tin về Quỹ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu An Bình thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 151/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 27 tháng 07 năm 2020 và Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đại chúng số 47/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 03 tháng 11 năm 2020. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ tại: Tầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Tổng số chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 5.347.010 chứng chỉ quỹ với tổng giá trị 53.470.100.000 đồng với mệnh giá 10.000 đồng/đơn vị quỹ. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào quỹ là 676.344.758.100 đồng tương đương với 67.634.475,81 chứng chỉ quỹ.

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ được ban hành tháng 07/2020 và sửa đổi bổ sung tháng 04/2021.

1.2 . Mục tiêu đầu tư

Quỹ hướng tới mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận đồng thời bảo toàn vốn cho Nhà đầu tư thông qua việc đầu tư chủ yếu vào các trái phiếu doanh nghiệp, tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi của các tổ chức tín dụng và một phần vào các tài sản khác với mục đích phân tán rủi ro đầu tư và mang lại lợi nhuận dài hạn ổn định cho các nhà đầu tư. Trong trường hợp môi trường đầu tư tạm thời không phù hợp với các tài sản cố định nêu trên hoặc nhiều trường hợp khác biệt khác việc xem xét đầu tư sẽ do Đại hội Nhà Đầu Tư hoặc Ban Đại Diện Quỹ xem xét quyết định phù hợp với thẩm quyền được Quy định trong Điều Lệ Quỹ và các Quy định khác của Pháp Luật.

1.3 . Kỳ tính giá trị tài sản ròng

Ngày định giá: là ngày xác định NAV của Quỹ, bao gồm tất cả các Ngày Giao Dịch (hiện tại là Thứ Tư hàng tuần) và những ngày mà NAV của Quỹ được xác định cho mục đích báo cáo (tuần, tháng, quý, năm) hoặc các mục đích khác.

Xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ: Giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định vào Thứ Tư hàng tuần đối với kỳ báo cáo tuần và ngày đầu tiên của tháng đối với kỳ báo cáo tháng/quý/năm. Nếu ngày định giá tuần trùng vào ngày nghỉ lễ thì ngày định giá đó sẽ được chuyển sang ngày làm việc tiếp theo gần nhất theo thông báo của Công ty Quản lý Quỹ.

Giá trị tài sản ròng cho mỗi Đơn vị quỹ bằng Giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số Đơn vị Quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng là tổng giá trị thị trường của các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước ngày định giá.

1.4 . Tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ

Nhà đầu tư có thể mua, bán, chuyển đổi Đơn Vị Quỹ vào ngày Thứ Tư (4) hàng tuần của tháng nếu ngày đó là Ngày Làm việc ("Ngày Giao Dịch"). Nếu ngày giao dịch trùng vào ngày nghỉ lễ thì ngày giao dịch đó sẽ được chuyển sang ngày làm việc kế tiếp hoặc ngày khác theo thông báo của Công ty Quản lý Quỹ.

1.5 . Hạn chế đầu tư

Thông tin về hạn chế đầu tư đã được trình bày đầy đủ tại Bản cáo bạch và Điều lệ hoạt động của Quỹ.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI QUỸ

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Quỹ bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Năm tài chính đầu tiên của Quỹ bắt đầu từ ngày 03/11/2020 (ngày cấp Giấy chứng nhận thành lập Quỹ) và kết thúc ngày 31/12/2020.

2.2 . Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.3 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Quỹ được lập theo chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với Quỹ mở được quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ mở, Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

Theo Thông tư 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm:
1. Báo cáo thu nhập giữa niên độ
2. Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ
4. Báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ
6. Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Quỹ đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ khẳng định rằng báo cáo tài chính này tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

Hình thức kế toán áp dụng

Quỹ áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ, tiền gửi của Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ chờ phân bổ, tiền gửi phong tỏa và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng có thời hạn đáo hạn không quá ba (3) tháng kể từ ngày gửi và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là mục đích khác.

2.5 . Các khoản đầu tư

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc chỉ bao gồm giá mua mà không bao gồm các chi phí liên quan phát sinh để có được khoản đầu tư. Các chi phí phát sinh này được hạch toán vào báo cáo thu nhập.

Đối với khoản đầu tư vào trái phiếu và tiền gửi ngân hàng, phần lãi dự thu chưa được thanh toán tính đến ngày mua được ghi nhận, tách biệt khỏi giá gốc, trên khoản mục "dự thu cổ tức, lãi tiền gửi chưa đến ngày nhận" trên Báo cáo tình hình tài chính.

Ghi nhận tiếp theo

Các khoản đầu tư được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư" trên Báo cáo tình hình tài chính theo nguyên tắc sau:

- Chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng được ghi nhận theo giá trị hợp lý;
- Chứng khoán niêm yết, chưa niêm yết và các tài sản khác được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản này.

Lợi nhuận thuần nhận được từ các khoản đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập.

các khoản lãi lũy kế chưa thanh toán của các khoản tiền gửi, tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ nợ khác được ghi nhận tại khoản mục "Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư" trên báo cáo tình hình tài chính.

Định giá lại cho mục đích xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ

Các khoản đầu tư được đánh giá lại vào các ngày định giá theo giá trị hợp lý. Các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại các khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập. Phương pháp đánh giá lại các khoản đầu tư được quy định trong sổ tay định giá được xây dựng phù hợp với phương pháp xác định giá trị tài sản quy định tại điều lệ Quỹ và thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 và được Ban đại diện Quỹ phê duyệt.

Nguyên tắc định giá

Các khoản đầu tư Quỹ hiện đang nắm giữ được định giá theo các nguyên tắc và phương pháp quy định tại Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và Điều lệ, Bản cáo bạch và Sổ tay định giá của Quỹ.

Chấm dứt ghi nhận

Các khoản đầu tư chứng khoán được chấm dứt khi quyền được ghi nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã không còn nắm giữ phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Giá vốn của chứng khoán kinh doanh được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

2.6 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ hoạt động bán chứng khoán, lãi trái phiếu, lãi tiền gửi NH và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Quỹ dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí hoạt động của Quỹ trên báo cáo thu nhập.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019.

2.7 . Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả được trình bày trên Báo cáo tình hình tài chính theo giá gốc của các khoản phải trả cho hoạt động mua lại chứng chỉ quỹ, phải trả cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, phải trả thù lao ban đại diện quỹ, phải trả cho Công ty Quản lý quỹ, ngân hàng giám sát và các khoản phải trả khác.

2.8 . Vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu

Các chứng chỉ quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại thành vốn góp của Nhà đầu tư, trong đó bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp mua lại.

Vốn góp phát hành

Vốn góp phát hành phản ánh nguồn vốn đầu tư của Quỹ do các nhà đầu tư góp vốn vào Quỹ theo phương thức mua chứng chỉ quỹ trong lần phát hành lần đầu ra công chúng và các lần giao dịch chứng chỉ quỹ sau khi quỹ thành lập.

Vốn góp phát hành được phản ánh theo mệnh giá.

Vốn góp mua lại

Vốn góp mua lại phản ánh tình hình mua lại chứng chỉ quỹ của các Nhà đầu tư tại các kỳ giao dịch chứng chỉ quỹ sau khi Quỹ thành lập.

Vốn góp mua lại được phản ánh theo mệnh giá.

Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư

Thặng dư vốn thể hiện chênh lệch giữa giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ và mệnh giá đối với các chứng chỉ quỹ được phát hành/ mua lại.
Thặng dư vốn bao gồm: Thặng dư vốn phát hành và thặng dư vốn mua lại
- Thặng dư vốn phát hành là chênh lệch giữa giá phát hành chứng chỉ quỹ và mệnh giá. Thặng dư vốn góp không phát sinh ở lần đầu phát hành chứng chỉ quỹ
- Thặng dư vốn mua lại là chênh lệch giữa giá đơn vị Quỹ mua lại và mệnh giá.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh lãi/lỗ chưa phân phối tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu, sau khi loại trừ phần chênh lệch tăng, giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện với tổng các khoản chi phí của Quỹ lũy kế phát sinh trong kỳ.

Lợi nhuận chưa thực hiện là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ lũy kế phát sinh trong kỳ.

Cuối kỳ kế toán, Quỹ xác định lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện trong kỳ và ghi nhận vào "Lợi nhuận chưa phân phối".

Lợi nhuận phân phối cho Nhà Đầu tư

Quỹ ghi nhận lợi nhuận/ tài sản phân phối cho Nhà Đầu tư dựa trên Nghị quyết của Đại hội nhà Đầu tư, phù hợp với Điều lệ quỹ và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

2.9 . Giá trị tài sản ròng của Quỹ và giá đơn vị quỹ

Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ được xác định bằng tổng giá trị tài sản trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ. Tổng giá trị tài sản của Quỹ được xác định theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản của Quỹ (trong trường hợp không xác định được giá trị thị trường). Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước ngày định giá.

Phương pháp xác định giá thị trường, giá trị hợp lý các tài sản trong danh mục, giá trị các khoản nợ và nghĩa vụ thanh toán thực hiện theo nguyên tắc như nêu trên.

Giá trị đơn vị quỹ

Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ bằng giá trị tài sản ròng trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ của Quỹ chia cho tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ và được làm tròn xuống đến 02 số thập phân.

2.10 . Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế mà giá trị có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Tiền lãi (bao gồm lãi tiền gửi, lãi chứng chỉ tiền gửi và lãi trái phiếu)

Tiền lãi được ghi nhận là doanh thu trên cơ sở dồn tích có tính lãi đầu tư thực tế của tài sản trừ đi khả năng thu hồi tiền lãi là không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản cổ tức của Quỹ với tư cách là cổ đông được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thưởng nhận được không được ghi nhận là thu nhập của Quỹ mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu theo dõi ngoại bảng.

Lãi từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong Báo cáo thu nhập khi nhận được thông báo giao dịch từ các Công ty chứng khoán và Ngân hàng giám sát (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết)

2.11 . Các khoản chi phí

Các khoản chi phí được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Quỹ phát sinh một số chi phí chủ yếu bao gồm:

Giá dịch vụ quản lý trả cho Công ty Quản lý Quỹ

- Giá dịch vụ quản lý là 1,45% (một phẩy bốn lăm phần trăm) tính trên tổng Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ vào ngày định giá, được ghi nhận vào chi phí của Quỹ vào ngày định giá, và được trả sau cho Công ty Quản lý Quỹ trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc tháng để thực hiện các dịch vụ quản lý quỹ đầu tư cho Quỹ. Giá dịch vụ quản lý được tính theo công thức như sau:
- Giá dịch vụ quản lý = 1,45% * Giá trị Tài sản Ròng tại ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá/ Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366). Công ty Quản lý quỹ áp dụng giảm 50% phí quản lý quỹ trong tháng 1/2021 và ưu đãi 20% phí quản lý quỹ từ 14/04/2021 đến hết ngày 18/05/2021.

  Trường hợp thay đổi Giá dịch vụ quản lý phải được Đại hội Nhà đầu tư thông qua. Trong mọi trường hợp, tổng số giá dịch vụ quản lý, giá dịch vụ quản trị quỹ và giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng không vượt quá mức tối đa 2% theo quy định của pháp luật hiện hành.

Giá Dịch Vụ Ngân Hàng Giám Sát

Giá Dịch Vụ Ngân Hàng Giám Sát là 0,02% (hai điểm cơ bản) một năm trên Tổng giá trị Tài sản Ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 5.000.000 VNĐ (Năm triệu đồng) một tháng. Giá Dịch Vụ Ngân Hàng Giám Sát được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán hàng tháng cho Ngân Hàng Giám Sát. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Giá Dịch Vụ Ngân Hàng Giám Sát = 0,02% * Giá trị Tài sản Ròng tại ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá/ Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)

Giá Dịch Vụ Lưu Ký

Giá Dịch Vụ Lưu Ký là 0,06% (sáu điểm cơ bản) một năm trên NAV với mức tối thiểu là 15.000.000 (Mười lăm triệu đồng) một tháng. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Giá Dịch Vụ Lưu Ký = 0,06% * Giá trị Tài sản Ròng tại ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá/ Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)

Giá dịch vụ lưu ký, chưa bao gồm giá dịch vụ xử lý giao dịch cho các giao dịch chứng khoán và giá dịch vụ trả cho Trung tâm lưu ký chứng khoán (chi phí bên thứ ba).

Giá Dịch Vụ quản trị quỹ

Giá dịch vụ quản trị Quỹ là 0,03% (ba điểm cơ bản) một năm trên NAV với mức tối thiểu là 15.000.000 (mười lăm triệu đồng) một tháng. Giá dịch vụ quản trị Quỹ được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán cho bên cung cấp dịch vụ quản trị quỹ. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Giá dịch vụ quản trị quỹ được tính theo công thức như sau:
Giá dịch vụ quản trị quỹ = 0,03% * Giá trị Tài sản Ròng tại ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá/ Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366).

Giá dịch vụ dịch vụ đại lý chuyển nhượng

Giá dịch vụ dịch vụ đại lý chuyển nhượng bao gồm giá dịch vụ duy trì Nhà đầu tư; giá dịch vụ thiết lập dữ liệu Nhà đầu tư; giá dịch vụ đăng ký mua mới, mua lại, hoán đổi; và giá dịch vụ phân phối cổ tức. Giá dịch vụ dịch vụ đại lý chuyển nhượng là 10.000.000 (mười triệu đồng)/tháng (chưa bao gồm thuế VAT) và có thể thay đổi theo thông báo của Đại lý chuyển nhượng.

2.12 . Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ

Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ theo định nghĩa trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ mở được trình bày trong thuyết minh tương ứng của báo cáo tài chính giữa niên độ này.

2.13 . Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ mở không được thể hiện trong Báo cáo tài chính giữa niên độ thì được hiểu là có số dư bằng không.

2.14 . Thuế

Theo các quy định hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

Giao dịch trả cổ tức cho nhà đầu tư

Khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân sửa đổi với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về thuế; Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014; Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 8 năm 2014; Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính; Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư.
Theo đó, khi Quỹ trả cổ tức cho các nhà đầu tư là tổ chức, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% số cổ tức được chi trả (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối mà đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật). Đồng thời, khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư là cá nhân, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% số cổ tức chi trả.

Giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ

Công ty Quản lý Quỹ cũng có nghĩa vụ khấu trừ và nộp thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo quy định về quản lý ngoại hối. Mức thuế áp dụng là thuế cho việc chuyển nhượng chứng khoán bằng 0,1% trên giá trị chuyển nhượng theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014, Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 và Thông tư 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018 do Bộ Tài chính ban hành.

Công ty Quản lý Quỹ không giữ lại tiền thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư là tổ chức trong nước do đó tổ chức trong nước tự chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế đối với phần thu nhập phát sinh từ giao dịch mua lại này.

2.15 . Các bên liên quan

Các bên/người được xem là có liên quan nếu một bên/người có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc đưa ra quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là có liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể chung. Các quỹ đầu tư khác dưới sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ và các cổ đông của Công ty Quản lý Quỹ được xem là các bên liên quan với Quỹ. Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

3 . TIỀN LÃI ĐƯỢC NHẬN

	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021
	VND
- Trái tức nhận được từ trái phiếu niêm yết	5.361.752.882
- Trái tức nhận được từ trái phiếu chưa niêm yết	6.774.047.372
- Doanh thu từ lãi tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi	1.689.730.797
	13.825.531.051

4 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ

	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021
	VND
Phí quản lý quỹ mở	2.290.243.752
Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ mở	124.180.945
Phí dịch vụ giám sát	45.039.167
Phí dịch vụ quản trị quỹ mở	99.986.864
Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng	66.000.000
Thù lao cho ban đại diện quỹ	78.000.000
Chi phí họp, đại hội quỹ mở	4.798.932
Chi phí kiểm toán	71.228.767
Chi phí hoạt động khác	52.345.407
	2.831.823.834

5 . TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ mở	35.861.423.976	21.006.121.947
Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ	28.175.500.000	802.000.000
	64.036.923.976	**21.808.121.947**

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ THUẦN

	Giá mua	Giá thị trường hoặc giá trị hợp lý cuối kỳ	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị đánh giá lại
			Chênh lệch đánh giá tăng	Chênh lệch đánh giá giảm	
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2021					
Trái phiếu niêm yết	224.245.307.133	223.158.933.190	7.932.231	(1.094.306.174)	223.158.933.190
Trái phiếu chưa niêm yết	208.953.852.545	210.282.286.299	1.487.846.583	(159.412.829)	210.282.286.299
Đầu tư ngắn hạn khác	207.000.000.000	207.000.000.000	-	-	207.000.000.000
	640.199.159.678	**640.441.219.489**	**1.495.778.814**	**(1.253.719.003)**	**640.441.219.489**
Tại ngày 01/01/2021					
Trái phiếu niêm yết	50.065.700.000	50.221.000.000	155.300.000	-	50.221.000.000
Trái phiếu chưa niêm yết	38.001.181.863	37.999.815.253	700.881	(2.067.491)	37.999.815.253
	88.066.881.863	**88.220.815.253**	**156.000.881**	**(2.067.491)**	**88.220.815.253**

7 . CÁC KHOẢN PHẢI THU

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Dự thu tiền lãi - Trái phiếu niêm yết phát sinh trong kỳ	5.446.380.529	1.525.000.000
Dự thu tiền lãi - Trái phiếu chưa niêm yết phát sinh trong kỳ	3.676.495.299	206.374.082
Dự thu lãi tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi	1.665.702.738	-
	10.788.578.566	**1.731.374.082**

8 . PHẢI TRẢ CHO CÁC ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ VÀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Phải trả các Đại lý phân phối	132.318.362	45.554.680
	132.318.362	**45.554.680**

9 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Thuế Thu nhập cá nhân	32.040.319	3.102.851
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	15.000.000
	32.040.319	**18.102.851**

10 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Phải trả thù lao cho ban đại diện Quỹ	13.000.000	25.133.333
Phải trả chi phí kiểm toán	32.728.767	-
Chi phí phải trả khác	4.958.908	
	50.687.675	**25.133.333**

11 . PHẢI TRẢ CHO NHÀ ĐẦU TƯ VỀ MUA CHỨNG CHỈ QUỸ

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Phải trả cho nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	2.658.000.000	802.000.000
	2.658.000.000	**802.000.000**

12 . PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ MỞ

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Phải trả phí dịch vụ quản lý	767.479.631	69.410.965
Phải trả phí dịch vụ lưu ký	32.153.772	15.044.400
Phải trả phí dịch vụ giám sát	11.644.518	5.500.000
Phải trả phí dịch vụ quản trị	17.486.864	16.500.000
Phải trả phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng	11.000.000	11.000.000
	839.764.785	**117.455.365**

13 . TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	03/11/2020 VND	Phát sinh trong kỳ VND	31/12/2020 VND
Từ ngày 03/11/2020 đến ngày 31/12/2020			
Vốn góp phát hành			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	5.347.010,00	6.580.340,01	11.927.350,01
Giá trị tài sản ròng/CCQ phát hành bình quân	10.000		10.009,36
Giá trị ghi theo mệnh giá	53.470.100.000	65.803.400.100	119.273.500.100
Thặng dư vốn	-	111.599.900	111.599.900
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ	**53.470.100.000**	**65.915.000.000**	**119.385.100.000**
Vốn góp mua lại			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	-	906.977,12	906.977,12
Giá trị tài sản ròng/CCQ mua lại bình quân	-	10.045,39	10.045,39
Giá trị ghi theo mệnh giá	-	9.069.771.200	9.069.771.200
Thặng dư vốn	-	41.164.662	41.164.662
Tổng giá trị mua lại chứng chỉ quỹ	-	**9.110.935.862**	**9.110.935.862**
Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành	**5.347.010,00**	**5.673.362,89**	**11.020.372,89**
Giá trị vốn góp hiện hành	**53.470.100.000**	**56.804.064.138**	**110.274.164.138**
Lợi nhuận chưa phân phối	-	**477.900.915**	**477.900.915**
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	**53.470.100.000**		**110.752.065.053**
Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ	**10.000,00**		**10.049,75**

	01/01/2021 VND	Phát sinh trong kỳ VND	30/06/2021 VND
Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021			
Vốn góp phát hành			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	11.927.350,01	69.685.922,96	81.613.272,97
Giá trị tài sản ròng/CCQ phát hành bình quân	10.009,36		10.223,46
Giá trị ghi theo mệnh giá	119.273.500.100	696.859.229.600	816.132.729.700
Thặng dư vốn	111.599.900	18.125.611.995	18.237.211.895
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ	**119.385.100.000**	**714.984.841.595**	**834.369.941.595**
Vốn góp mua lại			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	906.977,12	13.071.820,04	13.978.797,16
Giá trị tài sản ròng/CCQ mua lại bình quân	10.045,39	10.233,01	10.220,83
Giá trị ghi theo mệnh giá	9.069.771.200	130.718.200.400	139.787.971.600
Thặng dư vốn	41.164.662	3.045.841.235	3.087.005.897
Tổng giá trị mua lại chứng chỉ quỹ	**9.110.935.862**	**133.764.041.635**	**142.874.977.497**
Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành	**11.020.372,89**	**56.614.102,92**	**67.634.475,81**
Giá trị vốn góp hiện hành	**110.274.164.138**	**581.220.799.960**	**691.494.964.098**
Lợi nhuận chưa phân phối	**477.900.915**	**10.996.524.413**	**11.474.425.328**
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	**110.752.065.053**		**702.969.389.426**
Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ	**10.049,75**		**10.393,65**

14 . XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Kỳ tính NAV	NAV	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV	Tăng/ (giảm) NAV/đơn vị Quỹ
	VND	VND	VND	VND
Kỳ cuối Tháng 12/2020	**110.752.065.053**	**11.020.372,89**	**10.049,75**	**0,00**
Kỳ 1 Tháng 1/2021	110.942.602.995	11.020.372,89	10.067,04	17,29
Kỳ 2 Tháng 1/2021	110.856.602.794	11.018.144,03	10.061,27	(5,77)
Kỳ 3 Tháng 1/2021	111.151.671.545	11.015.639,99	10.090,35	29,08
Kỳ 4 Tháng 1/2021	123.744.554.895	12.220.434,17	10.126,03	35,68
Kỳ cuối Tháng 1/2021	**141.015.605.515**	**13.906.462,62**	**10.140,29**	**14,26**
Kỳ 1 Tháng 2/2021	141.147.521.589	13.906.462,62	10.149,77	9,48
Kỳ 2 Tháng 2/2021	154.890.377.549	15.236.227,77	10.165,92	16,15
Kỳ 3 Tháng 2/2021	155.084.844.743	15.236.227,77	10.178,69	12,77
Kỳ cuối Tháng 2/2021	**187.230.982.997**	**18.373.349,46**	**10.190,35**	**11,66**
Kỳ 1 Tháng 3/2021	187.213.592.493	18.373.349,46	10.189,41	(0,94)
Kỳ 2 Tháng 3/2021	200.245.613.923	19.625.690,43	10.203,23	13,82
Kỳ 3 Tháng 3/2021	233.239.712.992	22.841.702,40	10.211,13	7,90
Kỳ 4 Tháng 3/2021	243.465.244.081	23.809.925,36	10.225,36	14,23
Kỳ 5 Tháng 3/2021	268.134.145.063	26.181.752,98	10.241,26	15,90
Kỳ cuối Tháng 3/2021	**300.944.176.157**	**29.387.581,81**	**10.240,52**	**(0,74)**
Kỳ 1 Tháng 4/2021	301.330.114.135	29.387.581,81	10.253,65	13,13
Kỳ 2 Tháng 4/2021	334.306.943.171	32.569.580,08	10.264,39	10,74
Kỳ 3 Tháng 4/2021	368.107.008.241	35.831.726,91	10.273,21	8,82
Kỳ 4 Tháng 4/2021	427.585.095.544	41.611.117,68	10.275,74	2,53

14 . XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Kỳ tính NAV	NAV	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV	**Tăng/ (giảm) NAV/đơn vị Quỹ**
	VND	VND	VND	**VND**
Kỳ cuối Tháng 4/2021	**481.590.040.849**	**46.847.014,63**	**10.280,05**	**4,31**
Kỳ 1 Tháng 5/2021	481.754.342.768	46.847.014,63	10.283,56	3,51
Kỳ 2 Tháng 5/2021	522.125.352.932	50.736.178,37	10.290,98	7,42
Kỳ 3 Tháng 5/2021	553.490.120.310	53.725.553,97	10.302,17	11,19
Kỳ 4 Tháng 5/2021	560.603.990.942	54.359.153,67	10.312,96	10,79
Kỳ cuối Tháng 5/2021	**585.978.895.980**	**56.665.502,71**	**10.341,01**	28,05
Kỳ 1 Tháng 6/2021	586.091.882.460	56.665.502,71	10.343,01	2,00
Kỳ 2 Tháng 6/2021	613.150.801.009	59.209.718,13	10.355,57	12,56
Kỳ 3 Tháng 6/2021	628.240.753.527	60.604.528,04	10.366,23	10,66
Kỳ 4 Tháng 6/2021	647.427.979.459	62.408.562,40	10.374,02	7,79
Kỳ 5 Tháng 6/2021	686.150.004.211	66.009.881,75	10.394,65	20,63
Kỳ cuối Tháng 6/2021	**702.969.389.426**	**67.634.475,81**	**10.393,65**	**(1,00)**
Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ	**346.724.173.824**			
Biến động Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ - mức cao nhất				35,68
Biến động Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ - mức thấp nhất				0,74

15 . LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Lợi nhuận đã thực hiện	11.232.365.517	323.967.525
Lợi nhuận chưa thực hiện	242.059.811	153.933.390
	11.474.425.328	**477.900.915**

16 . MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH QUỸ MỞ

Chỉ tiêu	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021
Tỷ lệ chi phí hoạt động (%)	1,70%
Tốc độ vòng quay danh mục (%)	107,78%

Tỷ lệ chi phí hoạt động

Tỷ lệ chi phí là: Tỷ lệ đánh giá chi phí Quỹ mở tính cho 1 đơn vị giá trị tài sản ròng.

Tỷ lệ chi phí hoạt động (%) = Tổng chi phí hoạt động *100 (%) / Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong năm

Tỷ lệ này được tính toán cho 12 tháng tại ngày kết thúc Báo cáo tài chính năm của kỳ (kỳ tính giá trị tài sản ròng hoặc kỳ kế toán) để có khả năng so sánh giữa các kỳ và các Quỹ mở.

Quỹ mở mới thành lập có thời gian ít hơn 1 năm nên Tỷ lệ chi phí được tính theo một năm bởi các yếu tố phù hợp.

Những chi phí không bao gồm tính trong chi phí hoạt động của Chỉ tiêu Tỷ lệ chi phí hoạt động, gồm:

- Chi phí lãi vay;
- Chi phí lãi, lỗ tỷ giá hối đoái của Quỹ mở (Bao gồm đã thực hiện và chưa thực hiện);
- Thuế khấu trừ tại nguồn đối với thu nhập của các Nhà đầu tư hoặc thuế phát sinh từ các khoản thu nhập đã nộp (Thuế Thu nhập doanh nghiệp), bao gồm cả Thuế Nhà thầu;
- Chi phí mua, chi phí bán Chứng chỉ quỹ và các chi phí khác phát sinh từ việc mua, bán Chứng chỉ quỹ.
- Các khoản cổ tức và các khoản phân phối khác đã trả cho Nhà đầu tư.

Tốc độ vòng quay danh mục

Tốc độ vòng quay danh mục là số quay vòng tài sản đầu tư của Quỹ mở trong 1 kỳ (kỳ tính giá trị tài sản ròng hoặc kỳ kế toán).

Tốc độ vòng quay danh mục (%) = (Tổng giá trị mua trong kỳ + Tổng giá trị bán trong kỳ)/2 *100 (%) / Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong năm/ Số ngày thực tế phát sinh (số ngày thực tế phát sinh đối với kỳ báo cáo từ 03/11/2020 đến ngày 31/12/2020 là tính từ ngày thành lập đến thời điểm kết thúc năm tài chính)*365

Tỷ lệ này được tính toán cho 12 tháng tại ngày kết thúc báo cáo tài chính năm của kỳ (kỳ tính giá trị tài sản ròng hoặc kỳ kế toán).

17 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Quỹ bao gồm:

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	64.036.923.976	64.036.923.976	21.808.121.947	21.808.121.947
Các khoản đầu tư thuần	640.441.219.489	640.441.219.489	88.220.815.253	88.220.815.253
Các khoản phải thu	10.788.578.566	10.788.578.566	1.731.374.082	1.731.374.082
	715.266.722.031	**715.266.722.031**	**111.760.311.282**	**111.760.311.282**
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho các Đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ và Công ty quản lý quỹ	972.083.147	972.083.147	163.010.045	163.010.045
Phải trả cho Nhà đầu tư về mua, mua lại Chứng chỉ quỹ	11.242.521.464	11.242.521.464	802.000.000	802.000.000
Chi phí phải trả và phải trả, phải nộp khác	50.687.675	50.687.675	25.133.333	25.133.333
	12.265.292.286	**12.265.292.286**	**990.143.378**	**990.143.378**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính phải trả được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Quỹ bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Quỹ đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Công ty Quản lý Quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Đối với các tài sản là tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi, rủi ro này là không có do giá trị và dòng tiền từ tài sản không bị thay đổi bởi các yếu tố thị trường.

Đối với trái phiếu có lãi suất cố định, mặc dù biến động của lãi suất thị trường có thể ảnh hưởng tới giá của trái phiếu tại từng thời điểm nhưng lại không tác động tới tổng dòng tiền của tài sản đến cuối kỳ do Quỹ không nắm giữ với mục đích chờ tăng giá mà chủ yếu là nắm giữ tới đáo hạn.

Đối với các tài sản là trái phiếu có lãi suất thả nổi theo biên độ, rủi ro thị trường (giá trái phiếu) là không đáng kể do biến động dòng tiền trong tương lai thường thay đổi song hành cùng với tỷ suất chiết khấu trái phiếu theo biến động của thị trường. Định hướng, chiến lược đầu tư cũng tập trung vào các tài sản có lãi suất thả nổi để giảm thiểu tối đa biến động của giá thị trường tới giá trị tài sản trong kỳ.

Rủi ro tiền tệ:

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Quỹ được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo và giao dịch chính của Quỹ là VND. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái của Quỹ là không có do Quỹ không nắm giữ tài sản và nợ phải trả bằng ngoại tệ tại ngày 30 tháng 06 năm 2021.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Quỹ. Quỹ có các rủi ro tín dụng từ hoạt động đầu tư tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu doanh nghiệp).

Quỹ chủ yếu duy trì số dư tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi tại các ngân hàng và tổ chức tín dụng có uy tín ở Việt Nam đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt. Các loại trái phiếu doanh nghiệp được Quỹ nắm giữ là trái phiếu của doanh nghiệp có uy tín tại Việt Nam, được nghiên cứu và phân tích kỹ lưỡng trước khi thực hiện đầu tư và được đa dạng hóa nhằm giảm thiểu rủi ro tối đa.

Bộ phận quản lý đầu tư theo dõi chặt chẽ tình hình tín dụng của các đối tác của Quỹ (ví dụ như môi giới, lưu ký, ngân hàng, tổ chức phát hành...) bằng cách xem xét tình hình tài chính, khả năng trả nợ của đối tác, báo cáo tài chính và thông tin đại chúng.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quỹ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quỹ chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Quỹ đầu tư chủ yếu trên thị trường chứng khoán và các công cụ tài chính có thanh khoản cao, trong điều kiện bình thường của thị trường, có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt. Quỹ giám sát rủi ro thanh khoản thông qua phân tích thời gian ra/vào của các luồng tiền và việc duy trì một lượng tiền mặt, các khoản tương đương tiền đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quỹ và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Quỹ cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Quỹ có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

18 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

19 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan có phát sinh giao dịch với Quỹ như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ban đại diện Quỹ	Điều hành quỹ
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán An Bình	Công ty quản lý quỹ đầu tư
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành	Ngân hàng giám sát

Quỹ có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021
	VND
Phí dịch vụ quản lý, giám sát quỹ	**2.558.103.884**
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán An Bình	2.290.243.752
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành	267.860.132
Mua trái phiếu	**165.610.524.424**
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán An Bình	165.610.524.424
	-

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Phải trả cho các Đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ và Công ty quản lý quỹ	**132.318.362**	**45.554.680**
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán An Bình	132.318.362	45.554.680
Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở	**828.368.791**	**69.410.965**
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán An Bình	767.479.631	69.410.965
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành	60.889.160	-

Thù lao của Ban đại diện Quỹ

	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021
	VND
Thù lao của Ban đại diện Quỹ	78.000.000

20 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Quỹ Đầu tư Trái phiếu An Bình được thành lập vào ngày 03 tháng 11 năm 2020 và kỳ hoạt động đầu tiên của Quỹ là từ ngày 03 tháng 11 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020. Do đó, Báo cáo thu nhập giữa niên độ, Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và phần thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ có liên quan không có số liệu so sánh tương ứng để trình bày

Phùng Thị Minh Thu
Người lập/Kế toán trưởng

Lê Việt Hà
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2021